

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021

V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Phụng.

Bà Bùi Thị Hoàng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Mai Ngọc G, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà C, đường D, ấp E, xã N, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Lê Trọng K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà C, đường D, ấp E, xã N, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Mai Ngọc G có mặt; anh Lê Trọng K có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Mai Ngọc G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Ngọc G và anh Lê Trọng K cưới nhau vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn.

Thời gian sống chung, Chị G và anh K sống không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Chị G và anh K đã xảy ra mâu thuẫn gần 10 năm nay. Chị G và anh K đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được, mặc dù Chị G và anh K sống chung nhà

nhưng cả hai đều không quan tâm đến nhau. Nay Chị G nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh Lê Trọng K.

Về con chung: Chị G và anh K có 01 con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 23/12/2003, hiện nay con chung đang sống với Chị G. Khi ly hôn, Chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, Chị G không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên họp kiểm tra chứng cứ và hoà giải ngày 19/4/2021, bị đơn Lê Trọng K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh K thống nhất lời trình bày của Chị G về thời gian kết hôn.

Thời gian sống chung, vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống.

Nay anh Lê Trọng K đồng ý ly hôn với chị Mai Ngọc G.

Về con chung: Chị G và anh K có 01 con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 23/12/2003, hiện nay con chung đang sống với Chị G. Khi ly hôn, anh K đồng ý Chị G được tiếp tục nuôi con chung Lê Gia B, sinh ngày 23/12/2003, anh K không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Mai Ngọc G và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Lê Trọng K có địa chỉ tại số nhà C, đường D, ấp E, xã N, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Trọng K có mặt. Tuy nhiên, tại phiên toà bị đơn Lê Trọng K vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Lê Trọng K là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Ngọc G và anh Lê Trọng K chung sống với nhau vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn đã được các bên thừa nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Chị G cho rằng vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cả hai đều cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Chị G và anh K tuy sống chung nhà nhưng cả hai đều không quan tâm đến nhau.

Theo lời trình bày của anh K thì anh K cũng thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, anh K và Chị G xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay anh K đồng ý ly hôn với Chị G.

Tuy nhiên, xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa Chị G và anh K chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là không tuân thủ theo Luật hôn nhân và gia đình đã quy định. Mặc dù, Chị G yêu cầu ly hôn với anh K, anh K đồng ý ly hôn với Chị G nhưng giữa Chị G và anh K không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Ngọc G và anh Lê Trọng K.

[3.2] Về con chung: Chị Mai Ngọc G và anh Lê Trọng K thống nhất có 01 (một) con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 23/12/2003, hiện nay con chung đang sống với Chị G. Chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Tại phiên hoà giải ngày 19/4/2021, anh K đồng ý Chị G được tiếp tục nuôi con chung Lê Gia B, sinh ngày 23/12/2003.

Hội đồng xét xử xét thấy, Chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Lê Gia B, sinh ngày 23/12/2003, anh K cũng đồng ý Chị G được tiếp tục nuôi con chung. Đồng thời, theo nguyện vọng của cháu Lê Gia B là được sống với Chị G. Do đó, đề Chị G được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung, anh K không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Chị G và anh K đều thống nhất là không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị G và anh K đều thống nhất không có nợ ai và cũng không có ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình. Anh K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Ngọc G và anh Lê Trọng K.

Về con chung: Chị Mai Ngọc G được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 23/12/2003.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Ngọc G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng Chị G đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007744, ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị G đã nộp xong án phí.

Anh Lê Trọng K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- TAND Tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Huế